

Số: 1675 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 21 tháng 6 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành danh mục thành phần hồ sơ thủ tục hành chính phải số hóa phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2209/TTr-SKHĐT ngày 13 tháng 6 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này 33 danh mục thành phần hồ sơ thủ tục hành chính phải số hóa phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư (Có Danh mục kèm theo).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo các Phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện số hoá thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục rà soát thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, tổng hợp đề xuất của cấp huyện, cấp xã để bổ sung Danh mục các thành phần hồ sơ phải số hóa, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) để tổng hợp, ban hành theo quy định.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp, theo dõi, đôn đốc và tổng hợp bổ sung Danh mục các thành phần hồ sơ thủ tục hành chính phải số hóa trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định.

4. Giao Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, triển khai thực hiện danh mục các thành phần hồ sơ thủ tục hành chính phải số hóa đáp ứng yêu cầu số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ.

5. Ngoài các thành phần hồ sơ thủ tục hành chính phải số hoá theo quy định tại Điều 1, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ tình hình thực tế chủ động số hoá đối với những thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VP Chính phủ);
- CT, và PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- TT PVHCC, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Bình**

**DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHẢI SỐ HOÁ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG  
QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1675 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**1. Danh mục thành thủ tục hành chính cấp tỉnh**

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Ghi chú
1.	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh	1.009644	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.</li><li>- Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.</li><li>- Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh.</li></ul>
2.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh.	1.009649	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.</li><li>- Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.</li><li>- Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh.</li></ul>
3.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh.	1.009650	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.</li><li>- Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.</li><li>- Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư</li></ul>

					của UBND tỉnh.
4.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh.	1.009652	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có)</li> <li>- Bản sao Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.</li> <li>- Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh.</li> </ul>
5.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh.	1.009653	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.</li> <li>- Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.</li> <li>- Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh.</li> </ul>
6.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	1.009654	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) của bên góp vốn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.</li> <li>- Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.</li> <li>- Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh.</li> </ul>
7.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc	1.009655	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) của nhà đầu tư sử	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.</li> <li>- Thủ tục chấp thuận chủ trương</li> </ul>

	thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh			dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh.	đầu tư của UBND cấp tỉnh. - Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh.
8.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	1.009656	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).	- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư. - Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh. - Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh.
9.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	1.009657	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).	- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư. - Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh. - Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh.
10.	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009659	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư. - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. - Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.	- Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh. - Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư. - Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư

					của UBND tỉnh.
11.	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009662	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.
12.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009671	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	Bản sao Giấy phép đầu tư; Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư; Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.
13.	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	1.009736	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.

**2. Danh mục thủ tục hành chính cấp huyện: Không có**

**3. Danh mục thủ tục hành chính cấp xã: Không có**

*\* Ghi chú: Danh mục thành phần hồ sơ phải số hoá thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư gồm 01 lĩnh vực, 13 TTHC và 33 thành phần hồ sơ phải số hoá./.*